TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2024/QĐST-DS	*N, ngày 09 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2024/TLST-DS ngày 02/8/2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1958, trú tại: Thôn X, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thuỳ D, sinh năm 1998, trú tại: Tổ 5, Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1966, trú tại: Thôn O, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nợ: Theo Giấy vay tiền kiêm nhận nợ ngày 18/11/2009, 27/11/2009 và 28/11/2009 bà T1 vay bà T tổng số tiền ba lần vay là 230.0000.000 đồng, không xác định thời hạn, không xác định lãi suất.

Các bên thống nhất tính đến ngày 30/8/2024 bà Phạm Thị T1 còn nợ và phải trả bà Lương Thị T 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*).

Phương án trả nợ: Các bên thống nhất ấn định trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với

số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bà Phạm Thị T1 phải chịu 2.875.000 đồng (*Hai triệu tám trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lương Thị T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Hương